

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG
CHỐNG DỊCH COVID-19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 216 /BC-BCĐ

Quận 5, ngày 05 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá cấp độ dịch COVID-19 tuần từ 29/8/2022 đến 04/9/2022

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng, an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế về ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 Quận 5 báo cáo đánh giá cấp độ dịch COVID-19 tuần từ 29/8/2022 đến 04/9/2022 như sau:

1. Kết quả đánh giá cấp độ dịch các phường:

Sau khi kết hợp các tiêu chí, kết quả như sau:

- Tỷ lệ phường đạt cấp độ 1 là: 92,9%, gồm 13/14 phường (Phường 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14).
- Tỷ lệ phường đạt cấp độ 2 là: 7,1%, gồm 01 phường (Phường 1).

2. Chi tiết đánh giá cấp độ dịch các phường: Đính kèm Phụ lục./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế/TP ;
- TT.QU – TT.UBND/Q5;
- BCĐ PCDB/Q5;
- VP.QU - VP.UBND/Q5(VX);
- Lưu: VT, YT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN 5
Nguyễn Võ Xuân Kỳ



Bảng đánh giá chi tiết cấp độ dịch các phường tuần từ 29/8/2022 – 04/9/2022

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 216 /BC-BCĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 Quận 5)

Các chỉ số			Chỉ số 1a			Chỉ số 1b				Chỉ số 1c		Chỉ số 2a				Chỉ số 2b				Chỉ số điều chỉnh mức độ dịch (2a + 2b)		Khả năng đáp ứng 3a		Khả năng đáp ứng 3b				Khả năng đáp ứng 3c		Cấp độ dịch	
Phường	Dân số	Số hộ	Số ca mắc mới trong tuần ngày 29/8-04/9/2022	Tỷ lệ mắc mới trong tuần/100.000 dân	Mức độ lây nhiễm theo 1a	Số ca thở oxy trung bình trong tuần	Tỷ lệ ca bệnh phải thở oxy Trung Bình trong tuần/100.000 dân	Mức độ lây nhiễm Theo 1b	Mức độ lây nhiễm (1a+1b)	Số ca tử vong mới trong tuần	Tỷ lệ số ca tử vong trong tuần/100.000 dân	Số mũi tiêm đủ mũi		Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (%)	Độ phủ VX (2a) (>=75%)	Số mũi 3 nguy cơ cao	Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (nguy cơ cao) (%)	Độ phủ VX (2b) (>=90%)	Độ phủ VX (Phối hợp 2a+2b)	Mức độ lây nhiễm (Hiệu chỉnh theo chỉ số 2a + 2b)	Tỷ lệ sản sang quân lý, chăm sóc/ 10.000 hộ dân	Khả năng đáp ứng (3a)	Tỷ lệ giường bệnh dành cho BN Covid/ 100.000 dân (QH đánh giá, áp dụng cho P/X)	Khả năng đáp ứng (3b)	Khả năng đáp ứng (3a+3b)	Tỷ lệ giường điều trị ICU có đủ NVTY phục vụ/ 100.000 dân (>=4/100.000 dân)	Khả năng đáp ứng (3c)	Hiệu chỉnh khả năng đáp ứng theo chỉ số 3c	Cấp độ dịch (1)	Cấp độ (2) Hiệu chỉnh theo tiêu chí 1c	
			Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1a+1b	Chỉ số 1c	Chỉ số 1c	Mũi 2 người 12-17	Mũi bổ sung & nhắc lại người >= 18	Chỉ số 2a	Chỉ số 2a	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2a+2b		Chỉ số 3a	Chỉ số 3a	Chỉ số 3b	Chỉ số 3b	Chỉ số 3a+3b	Chỉ số 3c	Chỉ số 3c	Chỉ số 3a+3b+3c	Kết hợp Mức độ lây nhiễm + khả năng đáp ứng	Cấp độ dịch	
Phường 1	17199	4315	0	0,0	1	0,29	1,7	2	2	0	0,0	1109	9333	60,71%	Không đạt	3835	96,04%	Đạt	Không đạt	3	695,2	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	2	2	
Phường 2	14365	3861	1	7,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	956	12050	90,54%	Đạt	5260	117,99%	Đạt	Đạt	1	777,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	
Phường 3	7630	1386	1	13,1	1	0	0,0	1	1	0	0,0	2430	7318	127,76%	Đạt	2372	210,66%	Đạt	Đạt	1	2886,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	
Phường 4	10125	2789	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	685	9168	97,31%	Đạt	3442	94,59%	Đạt	Đạt	1	1792,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	
Phường 5	10847	2726	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	917	9691	97,80%	Đạt	3837	113,89%	Đạt	Đạt	1	3301,5	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	
Phường 6	8424	2184	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	679	6411	84,16%	Đạt	2894	89,68%	Không đạt	Không đạt	2	3663,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	
Phường 7	10273	2535	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	854	8104	87,20%	Đạt	3782	100,59%	Đạt	Đạt	1	1972,4	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	
Phường 8	7868	1842	1	12,7	1	0	0,0	1	1	0	0,0	780	8152	113,52%	Đạt	3331	124,06%	Đạt	Đạt	1	1085,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	
Phường 9	13233	2963	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	910	7158	60,97%	Không đạt	2474	91,43%	Đạt	Không đạt	2	1012,5	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	
Phường 10	6479	1862	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	495	5009	84,95%	Đạt	1961	78,44%	Không đạt	Không đạt	2	1611,2	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	
Phường 11	11659	3035	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	997	9787	92,50%	Đạt	4127	104,85%	Đạt	Đạt	1	2306,4	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	
Phường 12	14857	3710	5	33,7	1	0	0,0	1	1	0	0,0	1446	12834	96,12%	Đạt	5482	123,97%	Đạt	Đạt	1	1886,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	
Phường 13	8749	2195	1	11,4	1	0	0,0	1	1	0	0,0	735	5948	76,39%	Đạt	2478	89,91%	Không đạt	Không đạt	2	1366,7	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	
Phường 14	12909	3347	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	951	11933	99,81%	Đạt	4657	164,56%	Đạt	Đạt	1	896,3	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1	